ĐIỂM THI TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG LỚP SÁNG THỨ 4

STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên	Mã lớp	Giữa kỳ	Báo cáo	Cuối kỳ	Tổng	Điểm Làm tròn	Ghi chú
				30%	20%	50%			những ô trống là các em vắng thi hoặc báo cáo
41	7131245	Trần Văn Duy	DH08CH					**0**	vắng
1	8127161	Nguyễn Anh Tuấn	DH08MT	7.5	7.5	3	5.25	**5.3**	
2	8131042	Nguyễn Xuân Hào	DH08CH	9	8.5	8	8.4	**8.4**	
3	9124029	Lê Huy	DH09QL	8.5	7	4.75	6.325	**6.3**	
4	9124119	Hoàng Văn Vinh	DH09QL	7.5	9	6	7.05	**7.1**	
42	9135036	Hoàng Đức Mạnh	DH09TB	8	8.5	3	5.6	**5.6**	
43	10115006	Lê Trọng Nghĩa	DH10CB	8	7.8		3.96	**4**	vắng
5	10117210	Nguyễn Khắc Ti	DH10CT	9	9		4.5	**4.5**	vắng
44	10117242	Nguyễn Công Tú	DH10CT	8	7.8	9	8.46	**8.5**	
45	10124031	Nguyễn Thị Kim Duyên	DH10QL	7.5	8.5	3	5.45	**5.5**	
46	10124154	Nguyễn Ngọc Phước	DH10QL	8	8.5	6	7.1	**7.1**	
6	10128024	Lê Đức Hoàng Hạc	DH10AV	7.5		3	3.75	**3.8**	
7	10128097	Nguyễn Thị Thanh Trâm	DH10AV	7		8.25	6.225	**6.2**	
8	10128108	Trần Thị Thanh Tuyền	DH10AV				0	**0**	vắng
47	10128113	Dư Quốc Vương	DH10AV	8		5.75	5.275	**5.3**	vắng
48	10147019	Hồ Quang Đạt	DH10QR	9.25	8	6.5	7.625	**7.6**	
49	10147041	Lê Trương Quang Khải	DH10QR	8	8	2	5	**5**	
50	10153040	Phan Chí Thiện	DH10CD	9	8.5	9	8.9	**8.9**	
9	10161027	Nguyễn Gia Hải	DH10TA				0	**0**	vắng
10	10173016	Tạ Thanh Tùng	DH10GE	8.5	9	8	8.35	**8.4**	
11	10173025	Dương Đặng Minh Phước	DH10GE	9	9	4.5	6.75	**6.8**	
12	10173032	Nguyễn Thị Thu Thảo	DH10GE	8.5	8	6	7.15	**7.2**	
13	10173036	Ngô Thị Ngọc Tuyền	DH10GE	7	9	9.25	8.525	**8.5**	
14	10173043	Nguyễn Đỗ Ngọc Uyên	DH10GE	9.5	9	10	9.65	**9.7**	
15	10173048	Lại Thị Ngân	DH10GE	8	8	8.25	8.125	**8.1**	
16	10344015	Lê Văn Minh	CD10CI	7		1.5	2.85	**2.9**	vắng
51	10344057	Nguyễn Văn Tuấn	CD10CI	6		2	2.8	**2.8**	vắng
52	11113222	Dương Kim Trung	DH11NH	8	8.5	8.5	8.35	**8.4**	
17	11114019	Trần Văn Nam	DH11LN	6.5			1.95	**2**	vắng
53	11114070	Hồ Nguyễn Thái Duy	DH11LN	7		2	3.1	**3.1**	vắng
18	11124089	Phạm Thị Tuyết Mai	DH11QL	9	7.5	4.75	6.575	**6.6**	
19	11126141	Lý Minh Kha	DH11SH	9	9	9	9	**9**	

STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên	Mã lớp	Giữa kỳ	Báo cáo	Cuối kỳ	Tổng	Điểm Làm tròn	Ghi chú
				30%	20%	50%			những ô trống là các em vắng thi hoặc báo cáo
20	11126284	Phan Hoàng Thạch	DH11SH	9.5	9	8	8.65	**8.7**	
21	11126338	Trương Thị Việt	DH11SH	7.5	9	7	7.55	**7.6**	
54	11128035	Lê Trung Hiếu	DH11AV	7	8.5		3.8	**3.8**	vắng
22	11130064	Lại Tiến Sỹ Hiến	DH11DT	7.5	8.5	6	6.95	**7**	
23	11147020	Lữ Minh Hưng	DH11QR				0	**0**	vắng
24	11147098	Huỳnh Thanh Sơn	DH11QR	9			2.7	**2.7**	vắng
55	11148219	Lê Thị Thu	DH11DD	9.5	8.5	10	9.55	**9.6**	
25	11149527	Nguyễn Nhật Trinh	DH11QM	8.5	7.8	5.5	6.86	**6.9**	
26	11157037	Nguyễn Thị Hoa Trâm	DH11DL	4		1.5	1.95	**2**	vắng
27	11157218	Trần Lê Hồng Ngọc	DH11DL				0	**0**	vắng
56	11160006	Nguyễn Thị Minh Ngọc	DH11TK	9.5	8.5	5	7.05	**7.1**	
28	11160021	Nguyễn Hùng Anh	DH11TK	9	7.8	10	9.26	**9.3**	
57	11160040	Trần Quang Hải	DH11TK	9.5	8	10	9.45	**9.5**	
58	11160046	Nguyễn Thị Thu Hoài	DH11TK	9.5	8.5	3.5	6.3	**6.3**	
29	11160068	Phạm Hải Ninh	DH11TK	9		7.5	6.45	**6.5**	
59	11160073	Đặng Nhật Quang	DH11TK	9.5	8.5	9.5	9.3	**9.3**	
30	11160076	Dương Văn Tấn	DH11TK	6.8	7.8	10	8.6	**8.6**	
60	11160083	Nguyễn Thị Thu Thảo	DH11TK		8.5	10	6.7	**6.7**	
61	11160096	Lê Duy Tiến	DH11TK	9	8.5	9.5	9.15	**9.2**	
62	11160098	Hoàng Ngọc Toàn	DH11TK	9	9	10	9.5	**9.5**	
63	11160102	Vũ Thị Huyền Trang	DH11TK	9.5	8.5	10	9.55	**9.6**	
64	11160103	Phạm Kinh Triều	DH11TK	8.5	9	9.5	9.1	**9.1**	
65	11160105	Phạm Trần Hữu Trí	DH11TK	9	8	10	9.3	**9.3**	
66	11160109	Phạm Thị Tuyết	DH11TK	7	8.5	3	5.3	**5.3**	
67	11160114	Hoàng Đình Quang Vinh	DH11TK	9.5	9		4.65	**4.7**	vắng
31	11160116	Nguyễn Danh Vọng	DH11TK	9	9	8.5	8.75	**8.8**	
68	11160117	Nguyễn Tường Vũ	DH11TK	9	8	9	8.8	**8.8**	
32	11160126	Khổng Đăng Đạt	DH11TK	6.5		3	3.45	**3.5**	
69	11160137	Hứa Văn Quân	DH11TK	9.5	8.5	8.5	8.8	**8.8**	
33	11160139	Thái Bá Thành	DH11TK	8.5	9	8	8.35	**8.4**	
34	11160142	Cao Đình Thiện	DH11TK	8.5	7.8	8.5	8.36	**8.4**	
70	11160143	Tô Đức Thịnh	DH11TK	8.5	7.8	3.5	5.86	**5.9**	
71	11160146	Trần Thị Thùy Trang	DH11TK	9.5	8	3	5.95	**6**	
72	11160148	Nguyễn Bảo Trâm	DH11TK	9	7.8	5.75	7.135	**7.1**	

STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên	Mã lớp	Giữa kỳ	Báo cáo	Cuối kỳ	Tổng	Điểm Làm tròn	Ghi chú
				30%	20%	50%			những ô trống là các em vắng thi hoặc báo cáo
73	11329112	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	CD11TH	9.5	7.8	6	7.41	**7.4**	
74	11329135	Nguyễn Thị Thu Vân	CD11TH	9	7.8	1.5	5.01	**5**	
75	11333038	Tạ Thị Hà	CD11CQ	8.5	7.8	6.75	7.485	**7.5**	
76	11333078	Trịnh Đình Nam	CD11CQ	7.5	7.8		3.81	**3.8**	vắng
35	12124200	Lê Thanh Liêm	DH12QL	9	7.5	3.5	5.95	**6**	
36	12124211	Mai Ngoc Loan	DH12QL	8	8.5	10	9.1	**9.1**	
37	12124221	Đặng Thị Thanh Mai	DH12QL	7.5	8	3	5.35	**5.4**	
77	12124222	Đoàn Thị Tuyết Mai	DH12QL	8.5	8	8.25	8.275	**8.3**	
38	12124234	Lê Thị Hoàng Nga	DH12QL	9	7.8	1.5	5.01	**5**	
78	12124236	Trương Thị Thảo Ngân	DH12QL	8			2.4	**2.4**	vắng
39	12124249	Võ Lê Tuyết Nhi	DH12QL	9.5	8	4.5	6.7	**6.7**	
79	12124250	Nguyễn Thị Nhinh	DH12QL	8.5	8	7.25	7.775	**7.8**	
40	12124268	Đỗ Minh Quang	DH12QL	9.5	9	10	9.65	**9.7**	
80	12124269	Lê Võ Hoàng Tuấn Quân	DH12QL	8.5	7.5	1	4.55	**4.6**	